

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 467**

**Chủ giảng: Pháp Sư Tịnh Không**

**Chuyên ngữ: Nguyễn Thanh**

**Biên tập: Minh Tâm**

**Thời gian: 24.6.2011**

**Địa Điểm: Cao Hùng -Đài Loan**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 588, hàng thứ 7 từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Bồ Tát năng như thị đắc tứ vô ngại: pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại”. Tứ vô ngại biện này chúng ta thường thấy trong kinh, cũng gọi là tứ vô ngại trí, cũng gọi là tứ vô ngại giải, ý nghĩa giống nhau. Đoạn này ở trước cũng đã giải thích.

Thứ nhất là pháp vô ngại. Pháp là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, đức Thế Tôn dạy học dùng chữ pháp làm tổng đại danh từ, nói chữ pháp này là tất cả pháp thế gian xuất thế gian đều bao hàm trong đó. Pháp vô ngại, là thông đạt minh liễu tất cả pháp, đều có thể nói được danh từ của nó, đây cũng không phải là một việc dễ. Bao gồm những nghĩa lý, hiện tượng, tác dụng của nó, họ đều biết cả, cho nên nói tứ vô ngại là “vô sở bất tri”. Trong kinh Bát Nhã nói “bát nhã vô tri, vô sở bất tri”, vô tri là thể, tức là mật tạng mà ở trước nói, mật tạng là vô tri, nhưng khi khởi tác dụng thì nó vô sở bất tri, đạo lý này rất sâu. Vì sao vô tri mà khi khởi tác dụng lại vô sở bất tri? Vì vô tri là một người thật sự buông bỏ triệt để khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, trong tâm không nhiễm chút bụi trần, cảnh giới này là chân tâm, là chân như, tiếng Phạn gọi nó là Đại Bát Niết Bàn. Trong kinh điển có khi nói là tổng tri, ở đây nói là “biện tài tổng tri”, tổng tất cả pháp, tri tất cả nghĩa, ý nghĩa của tổng tri là như vậy. Cũng gọi nó là đà la ni, đà la ni cũng có nghĩa là tổng tri. Đây là tánh đức của tự tánh.

Tự tánh, đại sư Huệ Năng nói rất hay, khi nó chưa khởi tác dụng thì không thể nói là không, vì nó vốn tự đầy đủ. Câu thứ ba ngài nói khi kiến tánh: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Ý nghĩa của câu này đồng nghĩa với câu Thế Tôn nói kinh Hoa Nghiêm: “tất cả chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai”. Nói cách khác, đây là bản năng của tự tánh, không phải học mà có được, nó vốn đã có sẵn, nhưng nó không có hiện tượng. Trí huệ, đức năng, tướng hảo, dùng lời bây giờ mà nói, thì giống như một loại năng lượng, là tự nhiên, lấy không hết, dùng không cạn; nó lại là bất sanh bất diệt, nó không đến không đi. Khi khởi tác dụng, đều là đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Trong kinh điển đại thừa thường dùng bốn chữ để hình dung đó là:

“không thể nghĩ bàn”. Quý vị không thể tưởng tượng được, cũng không thể đem nó nói rõ ràng minh bạch được, đều không thể. Gặp duyên nó liền hiện tượng, hiện tượng gì nó cũng hiện được, tùy duyên hiện tượng. A lại da tùy duyên khởi biến hóa, A lại da là vọng tâm, mật tạng là chân tâm. Người xưa nói, chỉ cần quý vị minh tâm kiến tánh, thì quý vị hoàn toàn đạt được tất cả pháp thể xuất thế gian, tất cả là tự tánh biến hiện ra. Đã là tự tánh biến hiện, sao họ không biết được chứ? Cho nên nói là pháp vô ngại.

“Nghĩa” là nghĩa lý. Pháp từ đâu mà có, vì sao có, nó có tác dụng như thế nào, trong các pháp có quan hệ như thế nào, có ảnh hưởng gì, họ hoàn toàn biết được, chẳng có gì không biết. Nghĩa là từ lý luận mà có, pháp là từ hiện tượng mà có. Trong kinh Hoa Nghiêm đem tất cả pháp quy nạp ở ba bộ phận: lý thể, hiện tượng và tác dụng, nói đơn giản là thể- tướng- dụng. Trong đề kinh cũng đã hàm chứa ý nghĩa này rồi. “Đại” là thể tán thán, không thể hình dung, dùng chữ đại để tán thán. “Phương” là nói về hiện tượng. “Quảng” là tán thán tác dụng của nó. Cho nên Đại Phương Quảng là ý nghĩa của thể- tướng- dụng.

Dưới đây nói “từ”, từ là ngôn từ, “từ vô ngại”, từ vô ngại là vô sở bất tri. “Nghĩa vô ngại” có thể nói là vô tri, nhưng khởi tác dụng thì vô sở bất tri, ý nghĩa thông đạt minh liễu, không có chướng ngại. Ngôn từ, lấy đại cầu của chúng ta để nói, ngôn ngữ riêng của mỗi địa phương rất phức tạp, bất đồng tầng không gian. Con người có ngôn ngữ, vậy động vật có ngôn ngữ hay không? Có, động vật cũng có ngôn ngữ, người được tâm thanh tịnh có thể nghe được ngôn ngữ của động vật.

Trong Cao Tăng Truyện tôi thấy ngài An Thế Cao, triều đại nhà Hán, đến hoàng pháp ở Trung Quốc, đảm nhiệm công tác phiên dịch. Vị này vốn là vương tử của nước An Tức, sau khi phụ thân qua đời ông kế thừa vương vị, làm vua được nửa năm, ông đem vương vị giao lại cho người chú, rồi xuất gia tu hành chứng quả. Trong truyện ký ghi rằng, An Thế Cao hiểu được ngôn ngữ của động vật. Những con chim ở trên cành, ở trên cao, chúng nhìn được rất xa, chúng nó nói chuyện với nhau, có người sắp đi ngang đây. Ngài An Thế Cao làm phiên dịch, dịch cho mọi người nghe, vừa rồi chim nói, chúng nó nói rằng: có người đi qua đây. Một lúc sau, thật sự có người đi đến, đi ngang gốc cây này. Thậm chí cỏ cây hoa lá, nó không có ngôn ngữ, nhưng nó có cảm ứng, đều là hồ thông tin tức, chẳng có gì không biết. Quỷ thần cũng có ngôn ngữ, cho nên rất phức tạp.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, “Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”. Phật giảng kinh, người Trung Quốc chúng ta nghe, thấy Ngài nói là tiếng Trung Quốc, chúng ta hiểu được. Người Mỹ nghe, thấy Ngài nói là tiếng Mỹ, họ cũng hiểu được, không chút chướng ngại, không cần phiên dịch, đó là từ vô ngại. Ở đây chúng ta phiên dịch, có khi còn dịch sai. Không cần phiên dịch,

nhưng hiểu được tất cả. Giống như đến tai của loại chúng sanh nào, thì tự nhiên biến thành ngôn ngữ của họ, Phật có năng lực như vậy, cho nên giáo hóa chúng sanh không có chướng ngại.

Sau cùng là “nhạo thuyết”, hoan hỷ nói, hoan hỷ giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh căn tánh bất đồng, cho nên sự dạy học của Phật cũng không giống nhau, gọi là 8 vạn 4 ngàn pháp môn. Đây là bao gồm tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, Phật và pháp thân Bồ Tát có năng lực hướng dẫn họ, Phật và Bồ Tát đã hoàn toàn thông. Ngôn ngữ không chướng ngại, thần thông không chướng ngại. Chúng ta dùng hai chữ thần thông để mọi người dễ hiểu hơn, ở trước nói qua 6 loại thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng thông, dạy học mới được khế cơ. Phật đối với tất cả chúng sanh, bất kỳ một chúng sanh nào, Ngài cũng biết được vô lượng kiếp quá khứ của họ. Chư Phật Bồ Tát trong biến pháp giới hư không giới, từ bi không biên giới, thiện căn của chúng ta chưa thành thực, Ngài gia trì quý vị, chúng ta đạt được lợi ích từ Ngài, mà bản thân không biết. Khi duyên thành thực, thì chẳng có nơi nào là không thuyết pháp. Hiện thân gì, là tùy tâm của chúng sanh, không phải tùy Phật, vì sao? Vì Ngài không có ý niệm, Ngài không khởi tâm động niệm. Cho nên đây gọi là cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, thì Phật tự nhiên có phản ứng. Người cảm có tâm, có niệm, có ý niệm, người ứng không có tâm, không có ý niệm, hoàn toàn là tác dụng của tự tánh, cho nên công đức của tự tánh không thể nghĩ bàn.

Lại vì tất cả pháp từ tâm tướng sanh, cho nên tâm tướng có thể thay đổi tất cả pháp. Sơn hà đại địa là tất cả pháp, tất cả chúng sanh là tất cả pháp. Hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta mới tin được, tin điều gì? Tin Phật có thể cứu được tất cả chúng sanh khổ nạn. Dựa vào điều gì? Dựa vào ý niệm, ý niệm của Phật thuần tịnh thuần thiện. Ý niệm của chúng sanh vô cùng phức tạp, nhiễm tịnh thiện ác hỗn tạp, chiêu cảm khổ báo vô lượng vô biên. Phật không phải như vậy, tâm Phật thanh tịnh, sau khi tiếp xúc với Phật, thì nhiễm ô của chúng ta sẽ phai nhạt. Nếu có thể tùy thuận lời dạy của Phật Đà, thì mau chóng thanh tịnh. Mặc dù họ không tin Phật pháp, bài xích Phật pháp, thậm chí còn tiêu diệt Phật pháp, thì Phật Bồ Tát cũng bảo hộ họ, Phật Bồ Tát vẫn thầm lặng gia trì họ, để nghiệp của họ được giảm nhẹ, để khổ báo của họ được rút ngắn lại. Từ bi vô lượng. Lúc nào thì họ biết được? Ngạn ngữ có câu: “khổ tận cam lai”. Họ chịu khổ trong tam đồ, thọ khổ tội đĩnh, dần dần họ giác ngộ, họ sẽ sám hối.

Người thế gian chúng ta, cũng thường có tình trạng này. Bình thường mê hoặc điên đảo, tùy tiện làm bậy, tạo các nghiệp ác. Đến lúc sắp mạng chung, khi oan thân trái chủ đến đòi mạng, họ sẽ hối hận. Thông thường người phạm, hối hận cũng không kịp nữa, đã đến tam đồ rồi. Nếu người học Phật, tuy bình thường họ cũng đọc kinh, họ cũng nghe giáo, họ nghe rất nhiều, tuy cũng bán tín bán nghi, đến lúc này họ đích thân thể nghiệm được oan thân trái chủ đến đòi mạng, đây không phải là giả, thiếu mạng phải trả mạng, thiếu nợ phải trả tiền. Hiện tượng này hiện tiền, họ biết đây là thật,

nhân quả báo ứng là thật không phải giả, mới thật sự phát tâm sám hối. Những người như vậy tôi đã thấy qua.

Khi bị bệnh nặng, sám hối có hiệu quả không? Có. Thật sự sám hối, bệnh của họ không phải lành hẳn, mà được giảm nhẹ. Có lành được không? Lành được chứ, giống như kinh trước đã giảng, thật sự phát Bồ đề tâm, vận mệnh có thể chuyển. Thọ mạng của quý vị đến rồi, đó là nghiệp báo thân của quý vị. Nếu thật sự phát Bồ đề tâm, sau khi lành bệnh, cuộc đời này của tôi không vì bản thân, đem thân tâm của mình phụng hiến, vì tất cả chúng sanh khổ nạn mà phục phụ, vì chánh pháp cứu trụ mà phục phụ, thì thọ mạng của họ chắc chắn được kéo dài. Kéo dài không phải thọ mạng của họ, thọ mạng của họ đã hết rồi, đây là gì? Là pháp thân huệ mạng. Quý vị phát tâm như vậy, được oai thần của Phật Bồ Tát gia trì, nó sẽ chuyển.

Quý vị xem Liễu Phàm Tứ Huấn, Liễu Phàm tiên sinh gặp người xem tướng là Khổng tiên sinh, ông ta rất giỏi, ông ta có thể đem lành dữ họa phúc của một đời người đoán không sai chút nào. Khi Liễu Phàm tiên sinh 15 tuổi gặp được người xem tướng này, đoán suốt cuộc đời của ông, tức là mỗi năm. 15 tuổi, 20 tuổi, 35 tuổi, trước 40 tuổi, hơn 20 năm mỗi năm mỗi năm đều đoán không sai chút nào. Liễu Phàm ở Thê Hà sơn, trong thiền đường với thiền sư Vân Cốc, tọa thiền ba ngày ba đêm không có một vọng niệm. Thiền sư Vân Cốc rất khâm phục, một người phàm phu mà ba ngày ba đêm không khởi một vọng niệm, không phải là chuyện dễ, nên rất khâm phục, tán thán ông. Thiền sư hỏi ông: làm sao có được công phu tu hành này? Liễu Phàm là người học thức, là một người rất thật thà trung hậu. Ông nói với thiền sư rằng: con không có công phu gì cả, chỉ là số mạng của con bị Khổng tiên sinh đoán định rồi, cho nên không có vọng tưởng nữa. Vì sao? Vì vọng tưởng là không. Trong mạng có thì vẫn có, trong mạng không có thì đừng gò ép, cho nên tâm ông ta định. Ông ta nói 20 năm nay, không đoán sai một chút. Tức là mỗi năm, ông ta là học trò, đi dự thi, thi đứng thứ mấy cũng được đoán trúng rồi, không sai chút nào. Lúc bấy giờ quốc gia cung cấp lương thực học trò, mỗi năm quốc gia cung cấp bao nhiêu thùng gạo, khoảng 8- 9 thùng, cũng được đoán không sai chút nào. Vì thế ông ta hoàn toàn tin tưởng.

Sau khi tôi đọc bộ sách này, tôi nói Liễu Phàm tiên sinh đích thực là phàm phu, quý vị xem, mấy chục năm mà vận mệnh không thay đổi chút nào, đoán đúng như vậy. Thông thường phàm phu không chuẩn xác như vậy, vì sao? Vì họ khởi tâm động niệm, họ khởi niệm thiện sẽ cộng điểm, khởi niệm ác sẽ trừ điểm, họ phải có thêm hoặc bớt. Đại ác thì trừ, đại thiện thì cộng, có cộng trừ thêm bớt. Ông ta không có, hơn 20 năm cũng không có, cho nên ông là phàm phu chuẩn. Ông ta biết vận mệnh của mình rồi, nên không khởi tâm động niệm nữa. Thiền sư Vân Cốc nghe xong cười ha ha nói: Tôi tưởng ông là Thánh nhân chứ, thì ra ông cũng chỉ là phàm phu. Ngài giải thích cho ông ta nghe đạo lý trong số mệnh, vì sao có vận mệnh? Vận mệnh từ đâu mà có? Vì sao người ta đoán đúng như vậy? Nhưng vận mệnh có thể thay đổi. Ông ta liền thỉnh

giáo thiên sư cách thay đổi vận mệnh như thế nào? Ông ta cũng rất muốn thay đổi. Thiên sư Vân Cốc cho ông ta một cuốn sổ ghi khuyết điểm và ưu điểm, nội dung sổ khuyết điểm và ưu điểm là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Y theo Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói thiện và ác, mỗi ngày đoạn ác tu thiện, thì vận mệnh của ông sẽ thay đổi. Ông ta y giáo phụng hành, đã thực hiện! tâm này mới phát, năm thứ hai đi dự thi, vận mệnh của ông ta thật sự đã thay đổi. Năm thứ hai dự thi, Khổng tiên sinh đoán ông ta đứng thứ 3, rốt cuộc ông ta đứng thứ nhất. Ông rất thâm tín lời dạy của thiên sư không nghi ngờ, cả nhà làm theo, nên vận mệnh hoàn toàn thay đổi.

Trong vận mệnh của ông không có công danh, công danh là gì? Là cử nhân, là tiến sĩ, trong vận mệnh của ông không có. Ông nỗ lực đoạn ác tu thiện, chiếu theo sổ ưu điểm khuyết điểm phát nguyện làm 3000 việc thiện. 3000 việc thiện hoàn thành trong 10 năm, sự phát tâm này là chân tâm, đồng mãnh tinh tấn không thoái chuyển. Phu nhân của ông giúp ông cùng tu. Kết quả dự thi cử nhân, ông đã thi đậu, thi tiến sĩ cũng đậu. Ông không nản chí, tiến sĩ hình như thi lần thứ ba mới đậu, nhưng không nản chí. Toàn bộ phước lộc thọ đều tăng trưởng, vận mệnh của ông vốn chỉ là 53 tuổi, nhưng ông đã sống đến 74 tuổi, ông sống thêm được 21 năm, ông không cầu sống lâu. Trong vận mệnh của ông không có con trai, cầu Phật Bồ Tát có đứa con trai, ông thật sự được đứa con trai. Đờn sau hưng thịnh, ông chỉ có một đứa con trai, nhưng cháu thì hình như 8-9 đứa, trở thành một đại gia tộc. Chân tướng sự thật này tuyệt đối không phải khoa học vật lý có thể giải thích được, có thể làm được chăng? Họ không làm được. Những thứ này trong truyền thống học thuật của Trung Quốc, trong đại thừa Phật giáo. Khoa học, thái độ của học giả khoa học xem điều này là chuyện vô căn cứ, là mê tín. Nhưng họ có thoát được định luật của vận mệnh không? Không thoát được. Học Nho, học Đạo, học Phật có thể thay đổi, có thể thay đổi vận mệnh, thậm chí có thể thay đổi thiên tai trên địa cầu, khoa học không làm được.

Bồ Tát đều đầy đủ tứ biện tài này. Dưới đây là nói về Cửu biện. “Cửu biện như kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã thuyết”. Cửu biện này rất ít dùng đến, tra trong từ điển Phật học cũng không có. Chúng ta rất cảm kích lão cư sĩ Niệm, ông đem những điều mà ít ai chú ý đến, viết ra đây cho chúng ta. “Thắng Thiên Vương Bát Nhã kinh thuyết”, đưa danh từ cửu biện vào kinh này. Thứ nhất là vô sai biện. Vô sai nghĩa là điều chúng ta nghĩ không có sai lầm. Thứ hai là vô tận biện là không có điểm dừng. Ngạn ngữ có câu: “truy hỏi kỹ càng sự việc”, họ có năng lực giải đáp cho quý vị, quý vị không làm khó họ được, họ có trí huệ vô tận, biện tài vô tận. Thứ ba là tương tục biện, đây là một việc, từ cạn đến sâu, từ nhỏ đến lớn. Thứ tư là bất đoạn biện, biện này không bị gián đoạn, chỉ cần quý vị hỏi, họ nhất định sẽ giải đáp cho quý vị. Thứ năm là bất khiếp nhược biện, họ có trí huệ, có định lực, có biện tài, cho nên họ không có thái độ khiếp nhược, cũng không sợ hãi, không lo sợ, sợ là lo sợ, sợ người khác hỏi khó mình. Đây là trí huệ chân thật. Thứ sáu là bất cộng dư biện. Dư là dư thừa, như Thanh Văn Duyên Giác, thiên nhơn, ngoại đạo, đây là dư thừa, bất cộng dư. Trong

kinh nói, họ đều là pháp thân Bồ Tát đầy đủ trí huệ biện tài này. Thứ bảy là vô biên tế biện. Vô biên tế và vô lậu ý nghĩa tương tự. Vô biên tế, chúng ta nhìn từ ý nghĩa danh tự, là rộng, từ không gian mà nói, thì không có bờ bến. Thứ tám nhất thiết thiên nhân sở ái trọng biện. Biện tài của Bồ Tát có thể khiến cho tất cả chúng sanh hoan hỷ, kính ái, tôn trọng. Thứ chín cũng gọi là vô ngại biện. Trong Thắng Thiên Vương Bát Nhã kinh nêu ra 9 loại này, 9 loại này cũng gọi là vô ngại biện tài.

“Cực Lạc đại sĩ”, những vị Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, “cụ túc như thị chúng chúng vô ngại diệu biện, vô hữu chướng ngại, cố vân: biện tài tổng trì, tự tại vô ngại”. Người ở thế giới Tây phương Cực Lạc, vãng sanh đến thế giới Tây phương Cực Lạc thì quý vị đạt được. Cho nên trong kinh nói những điều này, không phải không liên quan đến chúng ta, đều là nói về pháp thân Bồ Tát, vậy chúng ta nghe rồi nghĩ như thế nào? Chúng ta không biết mỗi câu mỗi chữ trong kinh đều là nói về mình. Chỉ cần chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, mặc dù là hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến thế giới Cực Lạc thì quý vị được biện tài vô ngại, ngang hàng với Bồ Tát A Duy Việt Trí. Bồ Tát A Duy Việt Trí, chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, địa vị của họ là gì? Trước phải hiểu rõ A Duy Việt Trí là gì? Đây là tiếng Phạn, ý nghĩa A Duy Việt Trí là bất thoái chuyển. A, thông thường dịch sang chữ Hán là vô, Duy Việt Trí là thoái chuyển, vô thoái chuyển, ý nghĩa chữ Hán là bất thoái chuyển. Trong bất thoái chuyển này bao hàm ba loại bất thoái chuyển, mới gọi là A Duy Việt Trí.

Thứ nhất là “vị bất thoái”, địa vị của họ không thoái chuyển, điều này hơi dễ. Trong tiểu thừa, sơ quả Tu đà hoàn thì chứng đắc. Trong đại thừa, trong kinh Hoa Nghiêm nói, chúng được sơ tín vị trong thập tín. Quý vị thực sự đoạn hết 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, nghĩa là chánh kiến trong bát chánh đạo. Những điều khác trong bát chánh đạo không có, chỉ chánh kiến có mà thôi, địa vị của quý vị không thoái chuyển. Quý vị thấy bát chánh đạo, thánh nhân, quý vị chắc chắn không thoái chuyển vào phàm phu nữa. Đây là tiểu tiểu thánh, họ không phải là phàm phu, họ chưa thoát ly luân hồi lục đạo, nhưng chắc chắn họ không đọa vào ba đường ác. Và lại thời gian ở trong lục đạo có kỳ hạn, bảy lần trở lại nhân gian, họ chắc chắn chứng quả A la hán, đây là tiểu thừa. Nếu nói đại thừa, thì họ khẳng định tu đến Bồ Tát thất tín vị, quý vị thấy từ sơ tín vị đến thất tín vị, vượt qua lục đạo luân hồi rồi. A la hán không ở trong lục đạo, A na hàm còn ở trong lục đạo, quả thứ ba ở lục đạo, quả thứ tư không ở lục đạo. Những quả vị này gọi là vị bất thoái.

Bất thoái thứ hai là Bồ Tát chứng được, gọi là “hành bất thoái”. Bồ Tát hóa độ chúng sanh, chúng sanh khó độ, nhất là chúng sanh bây giờ rất khó độ. A la hán có độ được chúng sanh bây giờ không? Không độ được. Nhưng Bồ Tát đại thừa phát bồ đề tâm, dù có gian nan, dù có khốn khổ họ cũng không thoái tâm, gọi là hành bất thoái, họ tuyệt đối không thoái đến cảnh giới nhị thừa này. Hàng nhị thừa hóa độ chúng sanh,

họ thương quý vị, thì họ độ quý vị, họ không thương quý vị họ sẽ không quan tâm đến quý vị. Quý vị tìm họ, họ dạy quý vị, quý vị không tìm họ, họ cũng không chủ động đến dạy quý vị. Bồ Tát thì khác, quý vị không tìm họ, thì họ đến tìm quý vị. Trong kinh này ở trước chúng ta đã đọc qua “Bồ Tát tác chúng sanh bất thỉnh chi hữu”. Thiện hữu, quý vị không thỉnh họ, họ cũng tự đến. Đây chính là đại từ đại bi của Bồ Tát. Thanh Văn, Duyên Giác không bằng họ. Đây gọi là hành bất thoái.

Thứ ba là “niệm bất thoái”. Ai đạt được điều này? Sơ trụ của Viên giáo đạt được, trong Phật giáo thường nói là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, người này đạt được niệm bất thoái. Cũng có nghĩa là họ không còn tạp niệm, họ chỉ có một ý niệm, một phương hướng, một mục tiêu, hướng về Đại Bát Niết Bàn, là con đường này, cũng là nói minh tâm kiến tánh. Phải đào thải hết tạp khí vô minh, viên mãn chứng được quả vị Diệu giác. Mỗi niệm của họ đều hướng về tát bà nhược hải. Tát bà nhược hải là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán là nhất thiết chủng trí. Từ ý nghĩa này mà xem, A Duy Việt Trí Bồ Tát tức là sơ trụ của Viên giáo trở lên. Họ không ở trong mười pháp giới, họ ở tại cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai. 41 vị pháp thân đại sĩ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây là bất thoái chuyển. A Duy Việt Trí Bồ Tát đều có đủ vô ngại biện tài.

Quả địa của Như Lai, có đủ 18 bất cộng pháp, 4 vô úy, 4 vô ngại đều có. Cho nên, họ và Diệu giác Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới, khởi tác dụng giáo hóa chúng sanh, có thể nói là giống nhau.

Thế giới Cực Lạc đặc biệt, các quốc độ khác của chư Phật, nhất định phải bản thân quý vị chứng mới đạt được. Cũng là nói, đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi mới chứng được, đây không phải là chuyện dễ. Chúng ta nghĩ xem, một người tu hành, không ngừng thăng tiến cảnh giới, con người hướng lên trên có 28 tầng trời, trên 28 tầng trời mới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật, quý vị tu đến lúc nào mới thành tựu được? Huống gì cõi trời, càng lên cao thì thời gian càng dài. Quý vị thấy ở nhân gian thọ mạng ngắn ngủi, lên Tứ Thiên Vương thì thọ mạng dài rồi, một ngày ở Tứ Thiên Vương bằng 50 năm ở nhân gian. Thọ mạng 500 tuổi, 500 tuổi là đối chiếu một ngày ở đó bằng ở nhân gian 50 năm. Đao Lợi thiên cao hơn, Đao Lợi Thiên chủ chúng ta gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế- Đao Lợi Thiên Chủ. Một ngày ở Đao Lợi Thiên bằng 100 năm ở nhân gian, thọ mạng của Đao Lợi thiên là 1000 năm. Từ Không Tử đến chúng ta bây giờ là 2500 năm, nếu là ở Đao Lợi thiên thì bao lâu? 25 ngày. Không Tử sanh lên Đao Lợi thiên bao lâu rồi? Ở Đao Lợi thiên 25 ngày. Thọ mạng 1000 tuổi. Lên cao nữa là Dạ Ma thiên, một ngày ở Dạ Ma thiên bằng 200 năm ở nhân gian, đây là Dạ Ma thiên. Đâu Suất thiên cao hơn một bậc, nơi Bồ Tát Di Lặc ở. Một ngày ở Đâu Suất thiên bằng 400 năm ở nhân gian, thọ mạng của họ là 4000 tuổi. Quý vị hỏi Bồ tát Di Lặc lúc nào thì hạ sanh thành Phật ở thế gian của chúng ta? Ngài ở Đâu Suất thiên thọ mạng hết rồi, quý vị tính thử xem. Có người đã tính qua,

theo nhân gian của chúng ta mà nói, là 56 ức 7000 vạn năm. Ở Đâu Suất thiên 4000 tuổi, chuyển đổi với người thế gian là 56 ức 7000 vạn năm. Càng lên cao thì độ chênh lệch thời gian càng lớn, thọ mạng càng dài, đến lúc nào quý vị mới được thành tựu?

Trong pháp giới tứ Thánh, thời gian càng dài. Cho nên trong kinh thường nói, phạm phu tu thành Phật vô lượng kiếp, vô lượng kiếp này là thời gian ở nhân gian, vô lượng kiếp. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ khác. Thế giới Cực Lạc thực sự mà nói, chúng ta từ bộ kinh này, học lâu như vậy rồi, tôi cũng đã giảng qua 10 lần, thế giới Cực Lạc đích thực là Phật A Di Đà ở đó lập một trường học, ở đó không có quốc gia, không có tổ chức chính phủ, không có quốc vương. Không nghe nói có những nghề nghiệp khác ở thế giới Cực Lạc, chỉ có hai hạng người là Phật và Bồ Tát. Phật là thầy giáo, Bồ Tát là học trò, cho nên thế giới Cực Lạc là trường học. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là đi học, chúng ta học trường của Phật A Di Đà, trường học đó bảo đảm thành tựu, tốt nghiệp là thành Phật, lớp bảo đảm. Vào học trường này hoàn toàn miễn phí, không cần đóng học phí. Phật A Di Đà cũng là đại thí chủ, Ngài cúng dường toàn bộ cho quý vị, bao hết, chỉ cần quý vị chịu đi. Phật A Di Đà đúng là đại thí chủ, cho nên phước báo đó không thể nghĩ bàn, đây là do Ngài nhiều kiếp tu thành. Lập trường học này là Ngài phát tâm phát 48 nguyện, tức là Ngài phát tâm, dùng thời gian 5 kiếp để thực hiện, lấy việc thực hành để thực tiễn lời nguyện, nguyện này phải làm được, thời gian 5 kiếp, 48 nguyện mỗi nguyện đều làm được rồi. Cho nên tâm nguyện và công đức tu hành thành tựu thế giới Cực Lạc. Chúng ta phải hiểu đạo lý này thật rõ ràng, không chút hoài nghi, thật sự tin tưởng. Sanh về thế giới Cực Lạc, mặc dù là hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đạt được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, mỗi người đều trở thành Bồ Tát A Duy Việt Trí. Nói cách khác, sự đãi ngộ của Bồ Tát A Duy Việt Trí là Phật A Di Đà cho, không phải bản thân quý vị tu được. Chỉ cần quý vị là trời người, Bồ Tát ở cõi Đồng Cư, hay là Bồ Tát ở cõi Phương Tiện, đều được bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Còn cõi Thật Báo thì sao? Cõi Thật Báo bản thân họ đã thành tựu rồi. Tự mình thành tựu Phật không gia trì cho họ sao? Khẳng định có gia trì họ, Phật A Di Đà từ bi, chúng ta tin rằng sự gia trì của Ngài bảo đảm quý vị chứng đắc quả vị Diệu Giác. Cho nên chư Phật trong 10 phương đều tôn trọng tán thán, đều tôn xưng Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, điều này không sai. Vì vậy khi học những điều này nên phát tâm, nên cầu sanh Tịnh Độ.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. “Thiện giải thế gian vô biên phương tiện”. Đây là câu thứ ba trong kinh văn ở trước. Câu này nói là “sai biệt trí”, ở trước nói là căn bản trí, căn bản trí là tổng trì, tổng nhất thiết nghĩa, trì nhất thiết pháp, tự tại vô ngại. Sai biệt trí là vô sở bất tri, quý vị thỉnh giáo họ, họ đều biết tất cả, quý vị không thỉnh giáo họ, họ vô sở bất tri, đây là thật. Không ai thỉnh giáo họ, cảnh giới của họ là thanh tịnh tịch diệt, là cảnh giới này. Quý vị thỉnh giáo họ đó là cảm, họ tự nhiên có ứng với quý vị, trong ứng này có hiện tướng, có ngôn thuyết, thị hiện trí huệ vô lượng vô biên.



“Phương tiện” là khéo léo, trên thực tế thì phương là phương pháp, tiện là tiện nghi, hai chữ này hợp lại, tức là phương pháp tốt nhất, phương pháp khéo léo nhất. Cho nên trong kinh điển đại thừa, thường nói phương tiện cộng thêm thiện xảo, phương tiện thiện xảo mới có thể hóa độ chúng sanh. Không có phương tiện thiện xảo, quý vị dùng gì để giáo hóa. Cho nên dưới đây nói: “dĩ thiện tri nhất thiết chúng sanh căn tánh dữ dục lạc”. Biết căn tánh của chúng sanh, biết dục vọng của chúng sanh, biết sở thích của chúng sanh, dạy họ như vậy, họ mới khế cơ, họ mới hoan hỷ học. Quý vị không hiểu những điều này, thì quý vị không thể dạy họ.

Chúng ta thấy thiền sư Vân Cốc dạy Liễu Phàm tiên sinh, thiền sư biết căn tánh của Liễu Phàm tiên sinh, người học trò này, tánh vốn thiện; biết được dục vọng của ông ta, dục vọng muốn công danh, ông ta muốn thi đậu công danh, muốn giúp xã hội, giúp quốc gia làm chút việc tốt, đó là dục vọng của ông ta; biết được sở thích của ông ta, ông ta thích điều gì? ông ta thích điều thiện, ông ta thích đoạn ác tu thiện, điều này thì dễ dạy rồi. Thiền sư Vân Cốc hướng dẫn ông ta, ông ta có thể y giáo phụng hành, dục vọng và sở thích của ông ta hoàn toàn đạt được rồi.

Nếu chúng tôi nói rõ một chút, thì mọi người sẽ dễ hiểu. 60 năm trước tôi gặp đại sư Chương Gia, đại sư dạy tôi, lúc đó tôi rất khổ. Tôi tin Ngài biết được căn tánh của tôi, Ngài cũng hiểu dục vọng của tôi, Ngài dạy tôi, tôi thật sự nghe. Đại sư muốn tôi cải thiện hoàn cảnh, hoàn cảnh của tôi thực sự rất ác liệt, vì sao vậy? Vì tôi so với Liễu Phàm tiên sinh, khuyết điểm của Liễu Phàm tiên sinh tôi đều có cả, nhưng ưu điểm của Liễu Phàm tiên sinh thì tôi không có, so với ông ta tôi thua xa. Sự việc này hoàn toàn là nhờ ân đức, giáo huấn của đại sư Chương Gia. Trong vận mệnh của tôi không có tài sản, cũng không có thọ mạng, chỉ có một chút thông minh. Những tâm địa rất thiện, từ nhỏ tiếp nhận từ gia tộc, biết hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng sư trưởng, cội rễ này vẫn còn. Nếu không có cội rễ này, gặp được thầy cũng chẳng ích gì.

Đại sư dạy tôi tu bố thí của cải, vì sao? Vì mình muốn sống thì phải có của cải, giúp tất cả chúng sanh khổ nạn cũng không rời của cải. Không có của cải được sao? Của cải từ đâu mà có? Chúng ta không biết. Của cải từ bố thí mà có, tôi làm gì có tiền mà bố thí? Thầy bảo tôi, bố thí của cải, một hào có không? Tôi nói một hào thì được. Một đồng có không? Một đồng cũng được. Thầy bảo tôi từ một hào một đồng mà bố thí. Thứ hai bố thí nội tài, bố thí nội tài là làm công quả. Cho nên học Phật rồi, đại sư Chương Gia bảo tôi thường đến chùa làm công quả. Thông thường trong pháp hội, tôi giúp họ viết sớ, viết bài vị, tôi viết chữ được. Giúp tự viện phát thông báo, tôi có thể làm việc này. Sau này những tự viện, tự viện lớn in ấn Đại Tạng Kinh, Đại Tạng Kinh là đặt mua, in xong phải đóng kiện, phải gửi qua bưu điện, điều này mất rất nhiều thời gian và nhân lực, chúng tôi phụ trách làm những việc này, lưu hành pháp bảo. Đây gọi là bố thí nội tài. Bố thí nội tài vượt trội ngoại tài, ngoại tài là quý vị đem tiền, nội tài là quý vị phải dùng tinh thần, dùng thời gian, dùng thể lực, dùng suy nghĩ, gọi là bố thí

nội tài. Đây là nguồn gốc của của cải. Pháp bố thí là nguồn gốc của trí huệ. Vô úy thí, lo cho người bần khổ, lo cho người tuổi già sức yếu, lo cho bệnh nhân, quả báo này là khỏe mạnh sống lâu. Khi tôi hiểu điều này rồi, liền y giáo phụng hành. Cho nên phước báo đời này của tôi hoàn toàn do tu mà được, không phải trong kiếp quá khứ, trong kiếp quá khứ không tu, toàn là kiếp này tu mà được.

Đại sư Chương Gia dạy tôi, tôi xuất gia là nhờ Ngài khuyên tôi. Tôi hỏi đại sư tương lai tôi theo ngành nghề nào thì tốt? Đại sư bảo tôi nên xuất gia, bảo tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi hoàn toàn y giáo phụng hành. Phật Thích Ca Mâu Ni một đời giảng kinh dạy học, lúc đó tôi học Phật được 7 năm, 7 năm này có thời gian 1 năm rưỡi ở Đài Trung học kinh giáo với thầy Lý, học giảng kinh. Học được 1 năm rưỡi, nhân duyên xuất gia của tôi đã đến. Vừa xuất gia là tôi dạy ở Phật học viện, Bạch Thánh pháp sư bảo tôi dạy học tại học viện Tam Tạng ở Thập Phổ tự. Có duyên bên ngoài, tôi cũng đi khắp nơi giảng kinh. Tôi ở Đài Trung với thầy Lý 1 năm 3 tháng, tức là 15 tháng, tôi học được 13 bộ kinh, tôi giảng được 13 bộ kinh này. Cho nên tôi dạy Phật học viện, tôi có 13 bộ kinh, mỗi học kỳ mới dạy một bộ, mỗi năm dạy hai bộ, 3 năm thì học trò tốt nghiệp, tôi chỉ dùng 6 bộ, còn 7 bộ chưa dùng đến. Cho nên từ đó tôi hiểu được, hiệu quả của Phật học viện không lớn, không học được gì cả. Ở Đài Trung một tháng tôi có thể học được 1 bộ kinh, có thể lên bục giảng. Ở Phật học viện 3 năm đã tốt nghiệp, một bộ kinh cũng không giảng được. Sau này tôi không dạy Phật học viện nữa. Tôi cũng đã làm qua viện trưởng của Phật học viện, sau đó hiểu rõ rồi.

Bản thân không có đạo tràng, ở đâu mời thì tôi đến đó, ngoại quốc mời nhiều hơn, cho nên phần nhiều thời gian tôi ở ngoại quốc. Ở ngoại quốc mỗi nơi tôi ở không lâu, từ một tuần đến nửa tháng, đây là ở một nơi. Cho nên nhiều năm du hóa, ở không có chỗ nhất định. Việc này thầy Lý biết rất rõ, thầy khuyên tôi, bảo tôi nhất định phải ở một chỗ. Một chỗ, tôi rất muốn ở một chỗ, tôi biết. Thấy tổ sư ngày xưa ở một nơi mười mấy năm trở lên, họ mới có thành tựu lớn như vậy. Nhưng tôi không có phước báo lớn như vậy, tôi đâu ở? Không có chỗ ở. Nếu không phải cư sĩ Hàn hộ trì, thì tôi không có ngày hôm nay rồi. Không có gia đình của cô ta hộ trì, lúc bấy giờ có hai con đường, các vị pháp sư lớn tuổi bảo tôi bỏ giảng kinh, đi học Phật sự tụng kinh bái sám, đi làm kinh sám; con đường thứ hai là hoàn tục, kiếm mưu sinh khác.

Trong lúc tiền thoái lưỡng nan này, thì cư sĩ Hàn xuất hiện, cô nghe tôi giảng kinh, nghe rất hoan hỷ. Tôi đem sự khó khăn của tôi nói cho cô ta nghe, hai vợ chồng cô ta về nhà bàn bạc, phát tâm giúp tôi. Cô ta ở đường Mộc Sách- Đài Bắc. Ở đầu hẻm có một căn phòng kiểu Tây nhỏ, tự làm nên. Trên lầu còn có một phòng làm việc nhỏ, có một phòng, cô ta hỏi tôi có thể ở được không? Tôi cảm ơn ý tốt của cô ta. Tôi dẫn cô ta đến Đài Trung gặp thầy Lý, báo với thầy Lý tình hình này, thầy Lý đồng ý, thầy nói được, vậy là tôi ở nhà của cô ta. Đi đến đâu giảng kinh, thuê chỗ, mượn chỗ. Thuê lớn chừng nào? Cũng chỉ lớn bằng phòng quay này thôi, đặt một bục giảng nhỏ, thỉnh

chúng khoảng hai mươi mấy người đến 50- 60 người. Tôi giảng kinh mỗi ngày không gián đoạn, nhờ vậy mà luyện được. Cô ta giúp tôi 30 năm, không phải là thời gian ngắn. Không có 30 luyện tập, huân tập trên bục giảng, làm sao quý vị thành công được? Thầy dạy quý vị, quý vị phải luyện tập, không luyện tập thì không ích gì. Không dễ, không đơn giản.

Tôi ở nhà cư sĩ Hàn 17 năm, 17 năm mới có một đạo tràng nhỏ, chính là thư viện Hoa Tạng ở Cảnh Mỹ. Có đạo tràng nhỏ này, tôi chuyển đến đạo tràng này ở. Đạo tràng do cư sĩ Hàn tổ chức, tôi chỉ là người qua lại mà thôi. Thời đại này quý vị thật sự đi theo con đường của Phật Thích Ca Mâu Ni, chướng ngại rất nhiều, quý vị không thể tưởng tượng được. Bản thân có phước báo, có thể kiến lập một đạo tràng nhỏ, người không có phước báo như tôi, tôi cũng không có ý niệm kiến lập đạo tràng. Vì sao vậy? Vì một đời giảng kinh dạy học, không lo lắng, một đời không quản người, không quản việc, không quản tiền tài. Khởi tâm động niệm đều là ở trong bộ kinh, công việc thì không rời khỏi bục giảng. Duyên này, không có duyên thù thắng này, thì làm sao thành tựu được? Cho nên đến tuổi bây giờ, tôi đã giảng 53 năm, được đại chúng trong xã hội khẳng định, người ủng hộ nhiều. Ngày nay tôi có trách nhiệm, giúp người phát tâm dạy học, ai đi theo đường của Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi sẽ đến cúng dường họ.

Tại Úc thành lập học viện Tịnh Tông, tháng 10 năm nay cử hành lễ kỷ niệm 10 năm. Học viện đã thành lập được 10 năm, có nhân tài xuất hiện không? Không có, điều đó khiến cho tôi phải thao thức sâu hơn nữa, như thế nào mới xuất hiện nhân tài? Mỗi ngày phải ép họ lên bục giảng giảng kinh, luyện tập. Nếu 10 năm không gián đoạn, mỗi ngày một tiếng đồng hồ, 10 năm không gián đoạn, thì đã thành công. Tôi muốn xem tôi sống được mấy năm, tôi sẽ làm công việc này, những việc khác tôi không làm nữa. Những kinh trước đây giảng, đều có thể cho đồng học làm tài liệu tham khảo, quý vị muốn học loại nào thì học, chỉ được học một loại, không được học hai loại, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Chúng ta tìm một nơi nhỏ, 10 năm không xuống núi, thay Phật giáo bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp lợi sanh, giúp cho chánh pháp cửu trụ, tôi làm công việc này.

Bây giờ thiên tai nhiều như vậy, tôi không sợ, bất luận thiên tai gì, tôi cũng như như bất động. Sự việc này bây giờ không có ai làm, nên tôi chẳng thể không làm. Chỉ cần tôi có thể lực, tôi vẫn duy trì mỗi ngày giảng kinh 4 tiếng đồng hồ. Người học kinh giáo, phải giống như tôi, mỗi ngày ít nhất cần 4 tiếng đồng hồ đọc kinh, nghiên cứu. Mỗi ngày phải báo cáo được một tiếng đồng hồ, giảng cho mọi người nghe, chúng ta khuyến khích lẫn nhau, cùng nhau học tập. Tôi không dám xưng mình là thầy, tuổi tác của tôi cao hơn quý vị, thời gian học tập cũng dài hơn quý vị, có thể cung cấp một số tài liệu giúp mọi người tham khảo, hy vọng mỗi người đều được thành tựu.

Chùa Cực Lạc ở Đài Nam, tôi hy vọng tương lai được trở thành một đạo tràng như thế này, nó là để dạy học, trong đó không có kinh sám Phật sự, cũng không có pháp hội. Con người phải học Phật, quý cũng cần học Phật, vậy thì làm sao? Phải lấy đạo tràng chùa Cực Lạc này để nói, mỗi tuần lễ làm tam thời hệ niệm cho quý thân, mỗi tuần lễ một lần. Bình thường cũng hoan nghênh đến nghe kinh nghe pháp, niệm Phật đường cùng nhau niệm Phật cộng tu, âm dương đều có lợi, không có bất kỳ hoạt động nào khác. Phật sự tam thời hệ niệm, quý thân cũng hoan nghênh. Niệm Phật, mà không hiểu được tình trạng của thế giới Cực Lạc, niệm Phật như vậy sẽ không tốt. Phải thật sự hiểu thế giới Tây phương Cực Lạc, hiểu rõ ràng, thật sự liễu giải, thì tâm đó không giống nhau rồi, tin sâu, nguyện thiết, thật sự muốn đến thế giới Cực Lạc, công đức không thể nghĩ bàn.

Chúng tôi ở Hong-Kong kiến lập một đạo tràng nhỏ, Hong- Kong cách Đài Loan không xa, những nơi khác thì tôi không đi nữa, tâm định lại làm một công việc. Hy vọng có công hiến một chút cho Phật giáo, đến thế gian lần này không phải vô ích. Bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ, hai vị trước đã đặt nền tảng rồi, tôi tiếp tục đem bộ kinh này phát huy rộng rãi. Cho nên, lần này giảng rõ Đại Kinh Giải.

Chúng ta xem tiếp kinh văn dưới đây. “Tùy kỳ cơ nghi”, chữ cơ này là nói về chúng sanh; nghi là căn tánh của chúng sanh, đục lạc, tùy thuận họ, hằng thuận chúng sanh. “Thiên xảo thuyết pháp, cố năng khế cơ”. Chỉ cần họ chịu học, họ có thể tiếp nhận, có thể học đến Tây phương. “Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị”, Thánh học thế xuất thế gian, tức là học vấn của Thánh Hiền, quan trọng nhất là phải chân thành. Nếu chúng ta không có tâm chân thành, thì Phật Bồ Tát có dạy cũng không ích gì. Đại sư Ấn Quang nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Chúng tôi yêu cầu đồng học không gì khác, chỉ là tâm chân thành, trì giới và tu phước.

Trước khi đức Phật nhập niết bàn, ngài để lại hai câu giáo huấn, đây cũng là tôn giả A Nan thỉnh giáo Phật: Ngài tại thế, mọi người lấy Phật làm thầy, Ngài nhập niết bàn rồi, thì chúng con lấy ai làm thầy? Đức Phật dạy “lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”, trì giới được, chịu khổ được, thì giống như Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế vậy. Cho nên không thể trì giới, sợ chịu khổ, quý vị không học được pháp này, quý vị không thể thành tựu. Phải trì giới, trì giới là giữ quy củ, chịu khổ được, vì sao? Vì như vậy quý vị mới không bị xã hội dụ dỗ. Ngày nay sức mạnh cám dỗ của thất tình ngũ dục trong xã hội rất lớn, hai việc này nếu chúng ta không làm tốt, thì con đường này đi không thông.

“Minh căn bản trí, khế thật tướng lý, đắc sai biệt trí, trì chúng sanh cơ”. Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đạt được hai loại trí huệ. Được căn bản trí -khế lý, lý mà chư Phật sở thuyết, lý của thật tướng các pháp, họ hiểu được, đây là minh tâm kiến tánh. “Được

sai biệt trí”, sai biệt trí cũng gọi là hậu đắc trí, đối với căn bản mà nói, căn bản, hậu đắc, tức là tác dụng của căn bản trí là sai biệt trí- vô sở bất tri. “Tri chúng sanh cơ. Cố sở thuyết chi pháp, thâm nhập nghĩa vị”. Quý vị học kinh giáo càng ngày càng có vị đạo. Người xưa nói “thế vị sao đậm bằng pháp vị!” Nếu pháp vị không vượt trội thế vị, thế vị này là cõi trời cõi người, không vượt trội nó thì ai chịu học Phật? Bây giờ rất nhiều người học Phật, quý vị có nếm được pháp vị không? Không nếm được. Vì sao? Vì nếu nếm được, thì tâm hành của quý vị đã thay đổi lớn rồi. Sẽ giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, sẽ giống như các vị tổ sư. Nhìn bên ngoài dường như là các Ngài đang chịu khổ, bần cùng, nhưng bên trong thì vui sướng vô cùng. Trí huệ, sức khỏe, hạnh phúc vui vẻ, quý vị đều đạt được, những thứ này không liên quan đến giàu nghèo sang hèn. Cho nên, thâm nhập nghĩa vị, họ có thể buông bỏ tất cả những gì trên thế gian này, họ có thể bỏ được. Vì sao? Vì niềm vui họ đạt được vượt trội thế gian rất nhiều, rất thù thắng.

“Khế lý khế cơ, phổ linh văn giả nhập ư nghĩa lý, thâm đắc pháp vị, giai đắc độ thoát, cố vân, độ chư hữu tình”. mấy câu này rất quan trọng, mấy câu này nghĩa là gì? Dạy học lợi ích chân thật, đích thực khiến cho người nghe, người nghe kinh, người học Phật, đối với thật tướng của các pháp, nghĩa lý của vạn sự vạn vật hiểu rõ, giác ngộ, đây mới gọi là thâm đắc pháp vị, cho nên nếm được pháp vị. Nếm được pháp vị tâm đầy hoan hỷ. Người xưa thường nói: “niềm vui của Khổng Nhan”, đây là pháp thế gian, niềm vui của Khổng Tử, niềm vui của Nhan Hồi, họ vui điều gì? Khi Khổng Tử còn sống, hoàn cảnh gia tộc của ông rất nghèo khổ, thanh bần, chứ không phải hàng trung lưu. Nhan Hồi, có thể nói Nhan Hồi thanh bần tốt cùng, cuộc sống vật chất quá khổ. Ăn cơm không có chén; uống nước không có ly. Ăn cơm, dùng tre đan một cái tô đựng cơm; dùng gáo hồ lô uống nước. Cuộc sống thanh đạm, sống như vậy. Trong số học trò của Khổng Tử người hạnh phúc nhất chính là Nhan Hồi. Khổng Tử rất tán thán ông. Ông ta hạnh phúc điều gì? Thâm đắc pháp vị. Điển tịch mà cổ Thánh tiên Hiền để lại, lúc bấy giờ không nhiều lắm, nhưng phân lượng đủ để ông học. Từ Tam Hoàng Ngũ Đế đến Khổng Tử, khoảng thời gian này cũng gần 2000 năm. Từ Phục Hy, Thần Nông đến Khổng Tử gần 2000 năm. 2000 năm để lại kinh điển, quý vị cố gắng học, vị của nó vô cùng. Luân lý, đạo đức, nhân quả, và tâm đắc tu học của Thánh Hiền. Bây giờ chúng ta thấy ngũ kinh, ngày xưa đời đời tương truyền, đến Khổng Tử mới thật sự dùng văn tự ghi lại lưu truyền cho đời sau.

Nếu như học Phật mà không đạt được pháp vị, nói cách khác, chúng ta không được độ, không học được điều gì trong Phật pháp. Học được Phật pháp, làm gì có chuyện không hạnh phúc! Học được Phật pháp giống như ăn cơm mỗi ngày vậy, mỗi ngày nhất định phải học nó, quyết định không rời bỏ, muốn bỏ cũng không được. Hoan hỷ học tập, hoan hỷ chia sẻ với mọi người. Trong quá trình chia sẻ này, chắc chắn có nâng cao cảnh giới của mình, càng lúc càng gần gũi Thánh Hiền, học Phật càng lúc càng gần gũi Phật Bồ Tát, làm sao họ không hạnh phúc được! **Có nắm chắc**

việc vãng sanh thế giới Cực Lạc không? Thật sự nắm chắc. Vì sao thật sự nắm chắc? Vì ít nhất chúng ta có bốn điều giống Phật: tâm giống Phật, nguyện giống Phật, đức giống Phật, hành giống Phật. Chỉ cần có bốn điều giống với Phật này, thì quý vị lẽ nào không được vãng sanh? Biến pháp giới hư không giới, quý vị đến đâu? Chắc chắn quý vị đến thế giới Cực Lạc. Phương hướng, mục tiêu của quý vị rất thuần chánh, tín tâm kiên định, tuyệt đối không thay đổi. Thế gian này rất khổ, thời gian ngắn ngủi, không nhẫn chịu được sao? Tự nhiên phải nhẫn chịu được. Đến thế giới Cực Lạc, đây là một môi trường tu học thù thắng, đến đó bảo đảm quý vị sẽ thành tựu, thành Phật.

Dưới đây nói: “dĩ khế lý cố, dĩ thuyết chi pháp giai thị chánh pháp”. Quý vị thấy tiêu chuẩn của chữ “chánh”, không có gì khác, tiêu chuẩn của chánh pháp là khế lý. Lý là gì? Là tự tánh, chân tâm. Tự tánh vốn có vô lượng trí huệ, vốn có đức hạnh, năng lực, tướng hảo, không phải tự bên ngoài mà có, toàn là công đức vốn có trong tự tánh thành tựu. Cho nên Phật pháp gọi là nội học, Phật kinh gọi là nội điển, nó hoàn toàn dạy quý vị hồi quy tự tánh. Trong tự tánh tất cả đều hoàn mỹ, không chút khiếm khuyết, không giống như học thuật thế gian.

Ở thời đại bây giờ mọi người đều chạy theo khoa học, nghi ngờ Phật pháp và Thánh học, quý vị không hoàn toàn tin tưởng, quý vị nghi ngờ. Làm thế nào để phá trừ nghi hoặc, phá nghi sanh tín? Học Phật rồi phải thực hành, không thực hành sẽ không đạt được pháp vị. Đạt được pháp vị quý vị sẽ tin tưởng. Sau đó quý vị nhìn lại khoa học, khoa học cho quý vị những thứ kỳ quái, nó không có pháp vị, chắc chắn không có pháp vị. Nhưng lời dạy của Thánh Hiền, kinh điển của Phật, đặc biệt là kinh điển đại thừa, lời nói của người xưa không sai chút nào, pháp vị vượt trội thế gian, vượt trội thiên nhân. Không thực hành thì không nắm được, chỉ nghe nói thôi là không được, phải khế nhập, thâm nhập pháp tạng.

“Chánh pháp giả, chân chánh chi đạo pháp. Thắng Man Bảo Quật kinh viết: Phật năng dĩ chánh pháp thọ dữ chúng sanh”. Vì sao? Vì Phật khế nhập chánh pháp, chứng đắc chánh pháp, mới có thể đem chánh pháp dạy cho chúng ta. Hiện nay Phật không còn tại thế gian, trong kinh có nói, khi Phật còn tại thế nương Phật làm thầy, Phật là người thầy chỉ đường cho chúng ta. Phật không còn tại thế nữa, thì nương pháp làm thầy. Chúng ta học theo ai? Học theo kinh điển, trong kinh điển có thật, cũng có giả, giả là do người đời sau ngụy tạo. Làm sao phân biệt được kinh nào là chân, kinh nào là giả? Phân biệt cách nào? Đại Tạng Kinh là chuẩn xác nhất, tra trong mục lục của Đại Tạng Kinh xem có hay không? Nếu như có đó là thật. Trong mục lục của Đại Tạng Kinh không có thì đó là giả. Ngày xưa những thư tịch muốn nhập vào tạng kinh, biên vào trong Đại Tạng Kinh, phải có điều kiện rất nghiêm khắc. Phải qua các vị cao tăng đương đại, thông tông thông giáo, Hiền Mật viên thông, chân chánh tu trì có công phu, thỉnh họ đến xét duyệt. Họ đọc rồi đồng ý, mới trình báo lên vua, vua phê chuẩn rồi mới nhập Tạng, không phải những điều thông thường tùy tiện có thể nhập Tạng.

Người thời bây giờ biên tập Đại Tạng kinh không chuẩn xác, sự việc này ngày xưa thầy Lý nói với tôi, vậy chúng ta phải làm sao? Thầy Lý nói nhất định phải dùng bộ Đại Tạng Kinh trước triều đại nhà Thanh. Bộ Đại Tạng Kinh sau cùng là Long Tạng, biên soạn thời vua Càn Long, phải lấy nó làm tiêu chuẩn, chắc chắn không sai. Vì sao? Vì đã qua xét duyệt rất nghiêm khắc. Năm Dân Quốc cũng có biên soạn mấy bộ, nhưng không nghiêm khắc. Cho nên học kinh phải học lời dạy của người xưa. Học lời dạy của người xưa, chúng ta bị chướng ngại về văn tự, vì sao? Vì mọi người không học Hán cổ. Mà kinh Phật thuộc về biến văn- biến thể văn, ở trong thể văn tự nó thuộc về biến văn, cũng chính là văn bạch thoại thời bấy giờ. Dùng cách nói bây giờ của chúng ta, là thể văn ngôn rõ ràng nhất, cho nên nó dễ hiểu hơn cổ văn. Chúng ta dùng Cổ Văn Quán Chi để đối chiếu, cổ văn rất sâu, văn tự của kinh Phật cạn, rất dễ hiểu. Dễ hiểu cũng phải có người giảng giải, cũng phải xem chú giải của các vị tổ sư, vì sao vậy? Vì ý nghĩa của nó, nghĩa lý của mỗi câu vô cùng tận. Chúng ta đọc chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ quý vị sẽ thấy được. Quý vị xem mấy câu chú giải trong kinh, những kinh khác nói, xưa nay các vị tổ sư nói, mỗi người có một cách nhìn khác nhau. Chúng ta áp dụng như thế nào? Đây là trí huệ của chúng ta, trí huệ chắc chắn từ công phu mà có, y giáo phụng hành mới khai mở trí huệ. Nếu không y giáo phụng hành, chúng ta đạt được chỉ là kiến thức thông thường, điều này nhất định phải biết. Học là Phật học thường thức, mà không phải là trí huệ thì chúng ta sai rồi. Cho nên tín thọ phụng hành, nhất định phải biết nghĩa lý sâu xa trong này.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 467**